

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TML22B5**
Mã môn học/ Mô đun: **MH04226**
Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng anh**
Số tín chỉ: **4**

Năm học: **22-23**
Học kỳ: **02**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2255202052057	Nguyễn Phạm Quốc Anh	30/12/2006					8	7.0	8.0	8.0	9.0		5.6		6.6
2	2255202052058	Lý Thành Đạt	27/10/2007					8	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.4
3	2255202052060	Nguyễn Văn Hiên	07/06/2007					9	6.0	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8
4	2255202052061	Nguyễn Hữu Hiệu	05/11/2007					8	4.0	6.0	4.0	7.0		5.0		5.2
5	2255202052062	Trần Trọng Lễ	03/04/2007					7	5.0	5.0	6.0	6.0		4.4		4.9
6	2255202052063	Phạm Thành Nam	08/08/2006					8	4.0	5.0	7.0	8.5		4.6		5.3
7	2255202052065	Trương Văn Nghiêm	08/04/2006					8	9.0	5.0	5.0	8.0		4.2		5.3
8	2255202052066	Phạm Văn Giàu	01/12/2004					9	7.0	9.0	9.0	9.0		6.0		7.0
9	2255202052067	Nguyễn Thanh Phú	23/12/2000					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
10	2255202052068	Phạm Nguyễn Việt Phú	22/03/2004					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
11	2255202052069	Nguyễn Phú Quý	15/02/2007					7	5.0	6.0	6.0	6.0		5.4		5.6
12	2255202052070	Nguyễn Duy Tân	13/05/2007					9	5.0	5.0	7.0	5.0		4.0		4.8
13	2255202052071	Nguyễn Hữu Thái	28/03/2007					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
14	2255202052072	Nguyễn Văn Thái	10/11/2007					8	4.0	5.0	5.0	6.0		5.3		5.3
15	2255202052075	Phạm Trí Tính	01/01/2007					7	5.0	6.0	5.0	6.5		5.4		5.6
16	2255202052077	Bùi Quốc Toàn	02/07/2005					7	4.0	5.0	5.0	5.0		0.0		2.0
17	2255202052078	Lê Minh Triết	11/02/2007					7	4.0	5.0	3.0	7.0		5.0		5.0
18	2255202052079	Nguyễn Trọng Vân	22/04/2004					7	5.0	6.0	5.0	6.5		5.6		5.7
19	2255202052080	Lê Quốc Việt	01/03/2004					10	10.0	10.0	10.0	10.0		9.8		9.9
20	2255202052081	Nguyễn Văn Vĩnh	19/09/2007					9	3.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.7
21	2255202052201	Phan Công Lý	28/11/2006					7	4.0	5.0	7.0	5.0		0.0		2.2

Châu Đốc, ngày 23 tháng 5 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Mỹ Thanh